TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03/3/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Đình Hưng và ông Phạm Văn Miền.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979
Địa chỉ: Làng Krêl, xã Ia Krêl, huyện Đ, tỉnh G.
Có mặt tại phiên toà
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Làng Krêl, xã Ia Krêl, huyện Đ, tỉnh G.
Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị T có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 26/7/2007.

Sau khi kết hôn, anh Q và chị T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hòa thuận, không có hạnh phúc. Anh Q

và chị T đã nhiều lần tự hòa giải mâu thuẫn nhưng không được. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Q và chị T có 02 con chung tên là: Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 09/6/2010. Cả 02 cháu hiện đang sống cùng với anh Q.

Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Y và cháu K cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Anh Q yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 26/7/2007.

Trong thời gian chung sống, do bất đồng về quan điểm nên giữa chị và anh Q thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không được hòa thuận, không có hạnh phúc. Vợ chồng chị đã cố gắng nhiều lần tự hòa giải mâu thuẫn nhưng không được. Chị và anh Q đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau. Anh Q xin ly hôn, chị T nhất trí.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q có 02 con chung tên là: Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 09/6/2010. Cả 02 cháu hiện đang sống cùng với anh Q.

Chị T đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu Y và cháu K cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì anh Q và chị T phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, nên anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T và chị T cũng nhất trí ly hôn với anh Thanh. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

Về con chung: Anh Q và chị T đều nhất trí giao cả 02 cháu Nguyễn Thị Ngọc Y và cháu Nguyễn Duy K cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được là phù hợp với nguyện vọng của cháu Y và cháu K. Anh Q yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được và chị T cũng nhất trí. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với chị Nguyễn Thị T có địa chỉ tại làng Krêl, xã Ia Krêl, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị T qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G, vì vậy hôn nhân giữa anh Q và chị T là hợp pháp theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống với chị T, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị T. Chị T cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau và nhất trí ly hôn với anh Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa anh Q và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

[4] Về con chung: Anh Q và chị T có 02 con chung tên là: Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 09/6/2010. Cả 02 cháu hiện đang sống cùng anh Q.

Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Y và K. Lời khai của chị T trong hồ sơ vụ án cũng nhất trí giao 02 cháu Y, K cho anh Q nuôi dưỡng. Hiện nay, chị T bận đi làm ăn xa, không có điều kiện chăm sóc con, anh Q có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện các con, cả 02 cháu Y và K đều có nguyện vọng được sống cùng anh Q. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt không có ý kiến gì thêm về con chung. Do đó, cần giao cả 02 cháu Nguyễn Thị Ngọc Y và cháu Nguyễn Duy K cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Lời khai của chị T trong hồ sơ vụ án cũng đồng ý với yêu cầu của anh Q. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt không có ý kiến gì khác về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Q để đảm bảo sự phát triển đầy đủ cho 02 cháu K, Y về thể chất và tinh thần.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị T là người cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110,116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cả 02 cháu Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 09/6/2010 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Y và cháu K thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng Q của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng Q thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có Q yêu cầu Tòa án hạn chế Q thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006931, ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Anh Q đã nộp đủ án phí.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/3/2023), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Din;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đặng Anh Việt